



diàn fàn guō

电饭锅

Noun · electric rice cooker

Example Sentence

mā ma yòng xīn mǎi de diàn fàn guō zhǔ fàn mǐ fàn tè bié xiāng
妈妈用新买的电饭锅煮饭，米饭特别香。

Mom cooked rice with the newly bought electric rice cooker, and the rice is especially fragrant.

Trace each character, then write the word on your own.

电	电	电	电	电	电	电	电				
饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭		
锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	
锅	锅	锅	锅								